

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 11 năm 2019

***V/v “Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”***

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Phùng Văn Thị và ông Phạm Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Năm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 156/TB-TA ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Anh **Bùi Quang S** - Sinh năm 1986

Người đại diện hợp pháp cho anh Sơn: Bà **Nguyễn Thị T** - Sinh năm 1967 (là mẹ đẻ anh S)

Đều có địa chỉ: Khu 8, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Chị **Đinh Thị H** - Sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu 8, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Anh S và bà T có mặt, chị H đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Anh Bùi Quang S khởi kiện yêu cầu Tòa án cho được ly hôn với chị Đinh Thị H, có địa chỉ cư trú tại; khu 8, xã K, huyện T. Cụ thể, theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Bùi Quang S trình bày như sau:

Anh và chị Đinh Thị H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 12/5/2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T. Khi đó anh làm ruộng tại xã K, còn chị H làm công nhân may tại khu công nghiệp P. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia

đình anh. Trong quá trình chung sống do vợ chồng không hợp nhau nên thường xảy ra bất đồng mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân nhau từ khoảng năm 2014 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm của anh với chị H không còn vì vậy anh yêu cầu được ly hôn với chị Đình Thị H.

- Về con chung anh với chị H không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh và chị H không có nên anh cũng không yêu cầu giải quyết.

* Bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ và đại diện hợp pháp cho anh S trình bày: Nhiều năm trước anh S bị bệnh nên bị điếc hoàn toàn cả hai tai, không thể nghe được nhưng anh S vẫn nói được, đọc viết được và nhận thức bình thường. Các nội dung mà Tòa án yêu cầu anh S trình bày bà đều viết ra giấy cho anh S đọc sau đó anh S đã trình theo đúng yêu cầu. Toàn bộ các lời khai và trình bày của anh S tại Tòa án là hoàn toàn đúng sự thật, bà không bổ sung gì thêm mà chỉ đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh S theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn là chị Đình Thị H đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là chị Đình Thị H vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể hòa giải được vụ án và quyết định xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do anh Bùi Quang S bị bệnh dẫn đến mất hoàn toàn khả năng nghe, mặc dù chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận nhưng là thực tế được chính quyền địa phương xác nhận vì vậy thuộc trường là người khuyết tật có nhược điểm về thể chất. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh S, Tòa án đã chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh S) là người đại diện cho anh S trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Quang S và chị Đình Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong cuộc sống chung vợ chồng đã nảy sinh những bất đồng mâu thuẫn và ngày càng nghiêm trọng không tự giải quyết được với nhau nên đã sống ly thân nhiều năm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã về địa phương nơi vợ chồng anh S, chị Hợp cư trú để tìm hiểu về tình trạng hôn nhân thì thấy rằng; chị H thường xuyên vắng mặt tại địa phương, vợ chồng anh S, chị H đã không còn chung sống cùng nhau từ nhiều

năm nay. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Thực tế vợ chồng anh S, chị H đã không còn sống chung, không còn nghĩa vụ quan tâm chăm sóc nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, nếu cứ ràng buộc thì hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy xét yêu cầu ly hôn của anh Bùi Quang S là chính đáng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung không có nên không giải quyết

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác do chị Hợp vắng mặt nên chưa có cơ sở để xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Theo quy định của pháp luật thì trong vụ án ly hôn, nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm nhưng do anh S là người khuyết tật, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ Luật người khuyết tật và Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho anh S và hoàn trả lại cho anh S số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm, xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Bùi Quang S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3 Luật người khuyết tật; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- **Xử:** Cho anh Bùi Quang S được ly hôn chị Đinh Thị H.
- Về con chung không có nên không giải quyết.
- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không giải quyết.
- Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Bùi Quang S. Hoàn trả lại cho anh Bùi Quang S số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) là tiền đã nộp tạm ứng án phí theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2016/0001818 ngày 13/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã K;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Tuấn